

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 73, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2022/TLST - VDS ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Chị Đinh Thị Th, sinh năm: 1990

- Anh Bùi Đăng T, sinh năm: 1987

Đều có địa chỉ: Thôn MC, xã DQ, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Bùi Thị Anh Th2, sinh ngày 10/11/2011

Đại diện theo pháp luật của cháu Th2: Anh Bùi Đăng T, sinh năm: 1987

- Cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 19/8/2021

Đại diện theo pháp luật của cháu N: Chị Đinh Thị Th, sinh năm: 1990

Đều có địa chỉ: Thôn MC, xã DQ, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện MH (nay là thị xã MH), tỉnh Hưng Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 02 năm 2011. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Th và anh T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã MH công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh, chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã MH thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế, kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng không ăn cùng nhau, không quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị cùng nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn đối với anh chị theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Anh Th2, sinh ngày 10/11/2011 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 19/8/2021. Chị Th, anh T thỏa thuận thống nhất, giao anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th2 đến khi cháu Th2 thành niên (đủ 18 tuổi), giao chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th, anh T thỏa thuận thống nhất chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện nên được Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T không yêu cầu Toà án giải quyết; thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Anh Th2, sinh ngày 10/11/2011 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 19/8/2021. Chị Th, anh T thỏa thuận thống nhất, giao anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th2 đến khi cháu Th2 thành niên (đủ 18 tuổi), giao chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th, anh T thỏa thuận thống nhất chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, chị Th, anh T, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị Th, anh T có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị Th, anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Đăng T tự nguyện thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Đinh Thị Th tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm việc dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Toà án số 0013145 ngày

05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH, tỉnh Hưng Yên. Chi Th đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- UBND xã DQ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh